

# MÔ HÌNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ VẤN ĐỀ NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM

**Ths. Phạm Nguyên Nhung**

*Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Thanh Trì*

*Email: Nhungd69@yahoo.com*

**TS. Lê Tố Hoa**

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Giáo dục luôn giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển của các dân tộc trong mọi thời đại. Đảng và Nhà nước ta coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, là nền tảng cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Qua hơn 25 năm đổi mới, nền giáo dục nước ta đã có những phát triển vượt bậc. Nhưng nhìn chung, vẫn còn có nhiều bất cập, hạn chế trong giáo dục: việc đổi mới, phát triển giáo dục toàn diện vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn, nhất là trong bối cảnh hiện nay. Vì vậy, phải tập trung trí và lực để nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về giáo dục.*

**Từ khoá:** Giáo dục, Quản lý, Quản lý Nhà nước

## **1. Khái quát về quản lý nhà nước:**

**Quản lý** là một trong những loại hình lao động quan trọng nhất trong các hoạt động của con người. Quản lý đúng tức là con người đã nhận thức được qui luật, vận động theo qui luật và sẽ đạt được những thành công to lớn. Trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, con người muốn tồn tại và phát triển đều phải dựa vào nỗ lực của cá nhân, của một tổ chức, từ một nhóm nhỏ đến phạm vi rộng lớn ở tầm quốc gia, quốc tế và đều phải thừa nhận và chịu một sự quản lý nào đó.

Quản lý (theo từ điển tiếng Việt thông dụng – NXB Giáo dục, 1998) là: Tổ chức, điều khiển hoạt động một đơn vị, cơ quan.

Quản lý là hoạt động do một hoặc nhiều người điều phối hành động của những người khác nhằm thu được kết quả mong muốn. Quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý nhằm đạt mục tiêu đề ra.

Mục tiêu của quản lý là hình thành một môi trường mà trong đó con người có thể đạt được các mục đích của nhóm với thời gian, tiền bạc, vật chất và sự bất mãn cá nhân ít nhất.

Quản lý bao giờ cũng là quản lý con người, là một tác động hướng đích, có mục tiêu xác định. Nó thể hiện mối quan hệ giữa hai bộ phận chủ thể quản lý và đối tượng quản lý, đây là quan hệ ra lệnh - phục tùng, không đồng cấp và có tính bắt buộc. Xét về mặt công nghệ, đó là sự vận động của thông tin. Quản lý là sự tác động, mang tính chủ quan nhưng phải phù hợp với qui luật khách quan. Quản lý có khả năng thích nghi giữa chủ thể với đối tượng quản lý và ngược lại.

**Nhà nước** là sản phẩm của xã hội có giai cấp, là cơ quan quyền lực của giai cấp thống trị có chức năng cơ bản là tổ chức và quản lý mọi hoạt động của đời sống xã hội thông qua các cơ cấu bộ máy nhà nước ở các cấp và hệ thống pháp luật. Tuỳ theo từng thể chế chính trị - xã hội mà có các hình thức nhà nước khác nhau ở các quốc gia như nhà nước dân chủ tư sản, nhà nước dân chủ nhân dân, nhà nước xã hội chủ nghĩa...

Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam - Tổ chức quyền lực chính trị mang tính pháp quyền, là tổ chức công quyền thể hiện quyền làm chủ của nhân dân bằng quyền lực nhà nước và bản chất của thể chế chính trị dân chủ lên chủ nghĩa xã hội, các

đoàn thể nhân dân của các giai cấp, tầng lớp, giới,...

Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo chính trị toàn xã hội, lãnh đạo Nhà nước tức là Đảng cầm quyền. Sự lãnh đạo của Đảng là yêu cầu khách quan, là điều kiện cơ bản để đảm bảo cho hệ thống chính trị, trong đó có Nhà nước giữ đúng bản chất của nó, một Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trên mọi mặt, mà chủ yếu là làm chủ bằng Nhà nước. Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: Lập pháp, hành pháp và tư pháp. Không phân lập, phân quyền mà thống nhất, nhưng nhất thiết phải có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ, có tính nguyên tắc chuyên môn hoá của các cơ quan, đòi hỏi sự phân định thẩm quyền của các cơ quan, tránh tình trạng chồng chéo lên nhau.

**Quản lý Nhà nước** ra đời cùng với sự xuất hiện nhà nước, là sự quản lý của nhà nước đối với xã hội và công dân. Đó là sự điều hành để thực thi quyền lực nhà nước, là tổng thể các thể chế, pháp luật, qui tắc được thực hiện thông qua bộ máy có chức năng quản lý nhà nước, có tư cách pháp nhân (công quyền) được Nhà nước giao cho các quyền hạn trong việc tổ chức và điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi của công dân.

Quản lý nhà nước là quản lý xã hội bằng quyền lực pháp luật. Quản lý nhà nước là sự tác động của chủ thể quản lý mang quyền lực nhà nước, chủ yếu bằng pháp luật tới các đối tượng quản lý nhằm thực hiện những mục tiêu đề ra.

Pháp luật nhà nước là ý chí của nhân dân trong một chế độ dân chủ (không phải là một hay một thiểu số người trong một chế độ quân chủ độc tài), chi phối và điều chỉnh mọi quan hệ xã hội và hoạt động của nhà nước, điều chỉnh các quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân, giữa các cơ quan nhà nước và giữa các công dân với nhau. Nhà nước pháp quyền chính là quyền tự do dân chủ và nghĩa vụ của nhân dân được đề lên thành luật. Nhà nước chịu trách nhiệm trước nhân dân, đảm bảo và bảo vệ những quyền và nghĩa vụ của nhân dân. Nhà nước pháp quyền có quyền lực trên mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội, đảm bảo cho đất nước phát triển theo một chế độ kinh tế - xã hội được xác định từ khi thành lập nước.

## **2. Quản lý nhà nước về giáo dục**

Quản lý nhà nước về giáo dục là việc Nhà nước thực hiện quyền lực công để điều hành, điều chỉnh

toàn bộ các hoạt động giáo dục trong phạm vi toàn xã hội nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục quốc gia. Quản lý nhà nước về giáo dục là một hệ thống bao gồm các thể chế, cơ chế quản lý giáo dục, tổ chức, bộ máy quản lý giáo dục và đội ngũ cán bộ, công chức quản lý giáo dục các cấp. Ba bộ phận này có mối liên hệ và tác động qua lại với nhau rất chặt chẽ, có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm lẫn nhau trong quá trình vận hành, tác nghiệp.

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, nền giáo dục cách mạng Việt Nam đã được hình thành và phát triển, là bộ phận cấu thành nền tảng xã hội mới. Công tác quản lý nhà nước về giáo dục đã sớm được quan tâm và trải qua những giai đoạn gắn liền với những quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước về chủ chương, đường lối, chính sách lớn trong giáo dục, đặc biệt là những quyết định về các cuộc cải cách giáo dục, về tổ chức lại bộ máy quản lý nhà nước và điều hành toàn bộ nền giáo dục quốc dân ở cấp cao nhất. Sự hình thành và phát triển hệ thống quản lý nhà nước về giáo dục có thể chia làm bốn giai đoạn:

**Giai đoạn 1945 – 1954:** Hệ thống tổ chức ngành giáo dục gồm Giáo dục Đại học do Nha Đại học vụ quản lý, đứng đầu Nha là Tổng Giám đốc. Qui mô của bộ phận quản lý nhà nước về giáo dục rất nhỏ bé, có 2 phòng chức năng là Phòng Học chế và Khảo thí, Phòng Viên chức và Kế toán. Giáo dục phổ thông các cấp và bình dân học vụ được tách thành các nha riêng và phân cấp quản lý theo các khu vực. Các tổng nha có chức năng quản lý tổng hợp (không chỉ riêng về chuyên môn) và cơ cấu các nha có bộ phận quản lý chỉ đạo cụ thể, kể cả công tác thanh tra, khảo thí, viên chức,... Đây là hình thức tổ chức quản lý khá tập trung, thực quyền về mọi mặt, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý theo các mảng giáo dục của các Tổng giám đốc nha. Các cơ quan quản lý tổng hợp trực thuộc Bộ trưởng rất tinh gọn, chủ yếu là Văn phòng và Đồng lý sự vụ là bộ máy thừa hành công vụ và Hội đồng cố vấn học chính.

**Giai đoạn 1955 – 1975:** Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ký Nghị định 198/CP ngày 7/11/1961 qui định rõ các nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn và tổ chức mới của Bộ Giáo dục. Theo đó bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục ngoài văn phòng và các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục còn có 7 Vụ chức năng chịu trách nhiệm quản lý toàn ngành giáo dục, trong đó có cả lĩnh vực giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá. Việc quản lý giáo dục về

chuyên môn nghiệp vụ tập trung vào các vụ theo bậc học (Vụ Phổ thông, Vụ Bổ túc văn hoá, Vụ ĐH & THCN), các vụ khác quản lý những mặt liên quan.

Trong thời gian này xuất hiện các cơ quan nghiên cứu khoa học thuộc các bộ và các tổ chức khác, Nhà nước đã thành lập một cơ quan cấp bộ để quản lý lĩnh vực này là Ủy ban khoa học và kỹ thuật nhà nước. Tách Bộ Giáo dục thành 2 bộ là Bộ Giáo dục và Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Việc quản lý giáo dục Đại học và THCN thuộc trách nhiệm của một bộ riêng.

**Giai đoạn 1975 – 1986:** Sau giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết về cải cách giáo dục, xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất trong cả nước. Riêng về cơ cấu tổ chức bộ máy và quản lý nhà nước về giáo dục, cơ bản không có gì thay đổi.

**Giai đoạn 1986 đến nay:** Tổng cục Dạy nghề sáp nhập vào Bộ Đại học và THCN thành Bộ Đại học, THCN và Dạy nghề. Đến năm 1990, Bộ Đại học, THCN và Dạy nghề và Bộ Giáo dục đã sáp nhập lại thành Bộ giáo dục và đào tạo với chức năng quản lý toàn bộ sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp học trong phạm vi cả nước. Bộ Giáo dục và đào tạo có cấu trúc tổ chức, quản lý, điều hành gồm 13 Vụ, 1 Ban Thanh tra và 1 Văn phòng.

Như vậy sau 25 năm (1965 – 1990) tách ra khỏi Bộ Giáo dục, bộ phận quản lý về giáo dục đại học lại hợp nhất với quản lý các lĩnh vực giáo dục khác trong một bộ duy nhất. Đến năm 1996, Chính phủ lại giao trách nhiệm quản lý nhà nước về dạy nghề cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Điều đó chứng tỏ việc tổ chức hệ thống quản lý về giáo dục ở Việt Nam thiếu tính ổn định, Nhà nước chưa có một quan điểm nhất quán về tổ chức hệ thống quản lý nên điều chỉnh, tách, nhập nhiều lần, gây ra sự biến động trong tổ chức, làm xáo động đội ngũ cán bộ quản lý, ảnh hưởng đến nền nếp quản lý.

Hiện nay, nhiều nước trên thế giới đang có xu hướng chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức – nền kinh tế mà tất cả các sản phẩm của nó đều chứa đựng một hàm lượng chất xám cao. Muốn xây dựng nền kinh tế tri thức phải dựa vào tiền đề phát triển giáo dục. Công cuộc đổi mới toàn diện kinh tế - xã hội do Đảng lãnh đạo bắt đầu từ năm 1986, đưa nền kinh tế nước ta chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng thu được nhiều thành tựu to lớn. Trong bối cảnh chung đó, giáo dục còn chậm đổi mới, tư duy và cách làm giáo dục còn nhiều chỗ

chưa phù hợp và chưa đáp ứng được yêu cầu của cơ chế kinh tế mới và tiến trình phát triển của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Việc phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục chưa đảm bảo tương ứng giữa nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, nguồn lực tài chính, nhân sự và các điều kiện cần thiết để thực hiện được các công việc được phân cấp. Chính sách trong quản lý giáo dục còn nhiều bất cập, thiếu sự nhất quán, không đủ thông tin phản hồi,...

Do vậy, đổi mới tư duy giáo dục phải được tiến hành liên tục và đi cùng với đổi mới tư duy kinh tế - xã hội, có lúc còn phải đi trước ở một số phương diện. Phải xác định mục tiêu giáo dục hiện nay: đào tạo, xây dựng thế hệ những con người Việt Nam mới, có bản lĩnh, tự chủ trung thực, năng động, sáng tạo, có hoài bão, có ý chí vươn lên, biết hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, biết lập thân, lập nghiệp, biết làm giàu cho bản thân và góp phần làm giàu cho đất nước, tha thiết gắn bó với lí tưởng độc lập của dân tộc, có đạo đức, phong cách phù hợp với yêu cầu của nền công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gìn giữ bản sắc truyền thống Việt Nam, chủ động hội nhập với khu vực và quốc tế.

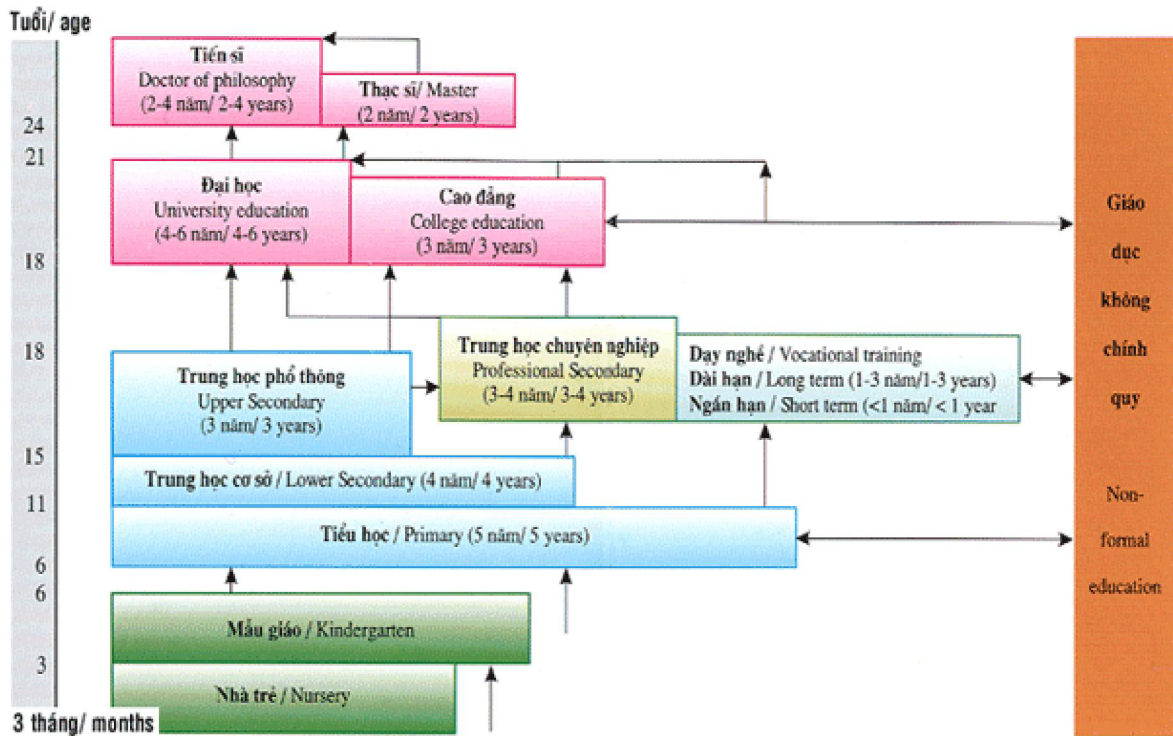
Bảo đảm tính thống nhất và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục. Xác định cụ thể nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, ngành, của Ủy ban nhân dân các cấp đối với sự nghiệp giáo dục, đồng thời bảo đảm tính chủ động, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục các cấp trong việc quyết định và thực hiện các nhiệm vụ được phân công, phân cấp.

### 3. Một số mô hình quản lý nhà nước về giáo dục

**Mô hình quản lý giáo dục:** Nghiên cứu giáo dục là một thứ triết trung, người ta thường lấy các mô hình từ các lĩnh vực khoa học khác. Khi bàn về mô hình quản lý giáo dục có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên có thể tập trung ở 6 kiểu mô hình quản lý giáo dục: mô hình chính thức, mô hình tập thể, mô hình chính trị, mô hình chủ quan mô hình mập mờ, mô hình văn hoá. Các mô hình thể hiện các cách tiếp cận khác nhau về quản lý giáo dục và quản lý nhà trường. Mỗi cách tiếp cận đều đưa ra những phân tích có giá trị nhưng sự thích hợp lại phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể. Tuy mỗi mô hình khác nhau, nhưng nếu phối hợp lại sẽ tạo thành bức tranh tổng hợp về bản chất của quản lý giáo dục.

**3.1. Các mô hình quản lý nhà nước về giáo dục** phụ thuộc vào các yếu tố: thể chế xã hội và thể chế chính trị, mô hình phát triển kinh tế, trình độ phát

## Sơ đồ 1: Hệ thống Giáo dục quốc dân Việt Nam



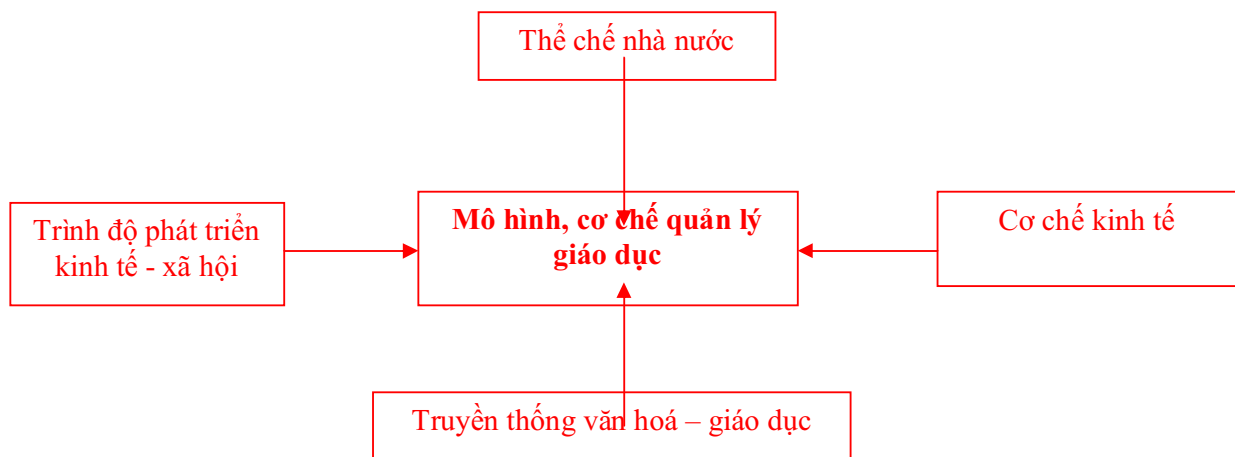
(nguồn: URL)

triển kinh tế xã hội, truyền thống văn hoá giáo dục, sự tiến bộ của khoa học công nghệ, mức độ hội nhập quốc tế,... Các mô hình quản lý này cũng được thay đổi theo từng giai đoạn phát triển kinh tế, chính trị, xã hội,...

- **Mô hình quản lý giáo dục tập trung và kế hoạch hoá cao:** Nhà nước bao cấp toàn bộ các nhu cầu giáo dục cho tất cả các tầng lớp xã hội, mọi hoạt động giáo dục được quản lý và kế hoạch hoá từ

trung ương đến địa phương. Trong nhà trường các cấp, từ tuyển sinh đến phân phối người tốt nghiệp đều được tiến hành theo kế hoạch nhà nước. Việc xây dựng mạng lưới các trường học, xác định cơ cấu hệ thống giáo dục, xây dựng kế hoạch chuyên môn, nội dung chương trình, sách giáo khoa, thậm chí việc xác định đề cương dạy học, kế hoạch dạy học,... cũng đều do Nhà nước thống nhất qui định. Mô hình này đã tồn tại trong thời gian khá dài ở các nước

## Sơ đồ 2 : Các nhân tố ảnh hưởng đến mô hình quản lý giáo dục



Nguồn: Quản lý giáo dục – NXB ĐH Sư phạm

**Bảng 1: So sánh các mô hình**

Các yếu tố	Kiểu mô hình					
	Chính thức	Tập thể	Chính trị	Chủ quan	Mập mờ	Văn hoá
Cấp độ xác định mục đích	Cơ sở GD (trường)	Trường	Bộ phận (dưới trường)	Cá thể	Không rõ	Trường hoặc bộ phận
Quá trình xác định mục đích	Do lãnh đạo	Thoả thuận	Xung đột	Có vấn đề. Có thể do lãnh đạo áp đặt	Không dự tính được	Dựa trên các giá trị tập thể
Quan hệ giữa mục đích và quyết định	Quyết định dựa trên mục đích	Quyết định dựa trên mục đích được thoả thuận	Quyết định dựa trên mục đích của các liên minh áp đảo	Hành vi cá nhân dựa trên mục tiêu cá thể	Quyết định không liên quan đến mục đích	Quyết định dựa trên mục đích của cả tổ chức và các bộ phận
Bản chất của quá trình quyết định	Hợp lí	Tập thể	Chính trị	Cá thể	Mờ hồ lớn	Hợp lí trong khôn khéo các giá trị
Bản chất của cấu trúc	Thực tế khách quan thang bậc	Thực tế khách quan bên lề	Lập ra cho các xung đột đơn vị	Cấu trúc thông qua tương tác cá thể	Có vấn đề	Biểu thị về vật chất của văn hoá
Liên kết với môi trường	Có thể đóng hoặc mở. Trách nhiệm của lãnh đạo	Trách nhiệm bị che lấp do chia sẻ việc ra quyết định	Những thực tế bên ngoài không ổn định trợ giúp như các nhóm lợi ích	Nguồn gốc của những cách hiểu cá thể	Nguồn gốc của sự không xác định	Nguồn gốc của giá trị và niềm tin
Phong cách lãnh đạo	Lãnh đạo xác định mục đích và đề xuất chính sách	Lãnh đạo tìm kiếm và thúc đẩy sự đồng thuận	Lãnh đạo vừa là người tham gia vừa là người trung gian	Có vấn đề. Có thể coi là một dạng kiểm tra	Có thể là khéo léo và không bị cản trở	Tượng trưng

*Nguồn: Quản lý giáo dục (NXB ĐH Sư phạm, 2011)*

XHCN trước đây và ở Việt Nam trước thời kỳ đổi mới, khi mọi quyền lực chủ yếu tập trung vào cơ quan quản lý giáo dục cấp Trung ương.

Mô hình quản lý giáo dục tập trung và kế hoạch hoá cao có khả năng kiểm soát chặt chẽ các hoạt động giáo dục, huy động tập trung các nguồn lực quốc gia cho giáo dục,... nhưng có hạn chế rất cơ bản là kém linh hoạt và kém thích ứng nhanh với những nhu cầu đa dạng và luôn thay đổi của xã hội, không phát huy được tính năng động và sáng tạo của các địa phương và cơ sở giáo dục.

- **Mô hình quản lý giáo dục phi tập trung và định hướng thị trường:** Với quan niệm giáo dục là một loại hình dịch vụ xã hội, mô hình này được đặc trưng bởi cơ chế phân quyền mạnh cho chính quyền

địa phương chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ toàn bộ các loại hình giáo dục ở địa phương kể cả giáo dục đại học, quản lý tài chính, quản lý nhân sự, hoạch định và thực thi kế hoạch chiến lược về giáo dục của địa phương mình. Các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường đại học có quyền tự chủ rất cao về mọi mặt trong khuôn khổ luật pháp của quốc gia và địa phương. Chính phủ và các cơ quan quản lý giáo dục quốc gia như Bộ Giáo dục chủ yếu có vai trò hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược và các mục tiêu phát triển giáo dục quốc gia, hỗ trợ tài chính và quản lý các chương trình phát triển giáo dục đặc biệt, xây dựng và ban hành các chuẩn mực quốc gia về giáo dục.

- **Mô hình quản lý giáo dục theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:** Đây là mô

hình quản lý giáo dục đang được hình thành ở nước ta sau 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới. Sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường tạo ra những nguồn lực mới cho sự nghiệp phát triển kinh tế, mặt khác cũng làm nảy sinh nhu cầu mới về đa dạng giáo dục và đào tạo của các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế trong xã hội. Chủ trương đa dạng hoá các các loại hình đào tạo đáp ứng cho yêu cầu của các loại hình sở hữu kinh tế, chủ trương người đi học phải đóng học phí, bãi bỏ chế độ phân phối học sinh tốt nghiệp đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, mở rộng từng bước phát triển các trường ngoài công lập như bán công, dân lập, tư thục, các trường liên doanh với các tổ chức quốc tế, các trường đầu tư 100% vốn nước ngoài,... được coi là một bước chuyển quan trọng của quản lý phát triển giáo dục – đào tạo ở Việt Nam. Sự ra đời và phát triển nhanh chóng của các loại hình trường, cơ sở giáo dục – đào tạo ngoài công lập từ mầm non đến đại học đã mang lại một diện mạo mới cho phát triển hệ thống giáo dục – đào tạo ở nước ta, không những huy động thêm nguồn lực cho xã hội phát triển giáo dục mà còn tạo tiền đề để thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục, từng bước hình thành thị trường giáo dục – đào tạo có định hướng trong phát triển nguồn nhân lực. Trong giai đoạn 2000 – 2010, tổng số nhân lực qua đào tạo ở tất cả các trình độ đã tăng gấp 3,4 lần, từ 5,9 triệu người lên 20,1 triệu người – tương đương tỷ lệ 40%.

Chính sách quản lý nhà nước về giáo dục phải đảm bảo sự công bằng và tạo cơ hội bình đẳng trong giáo dục. Vì vậy, Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương chính sách về miễn giảm học phí. Việc chuyển từ chính sách bình quân, cào bằng sang chủ

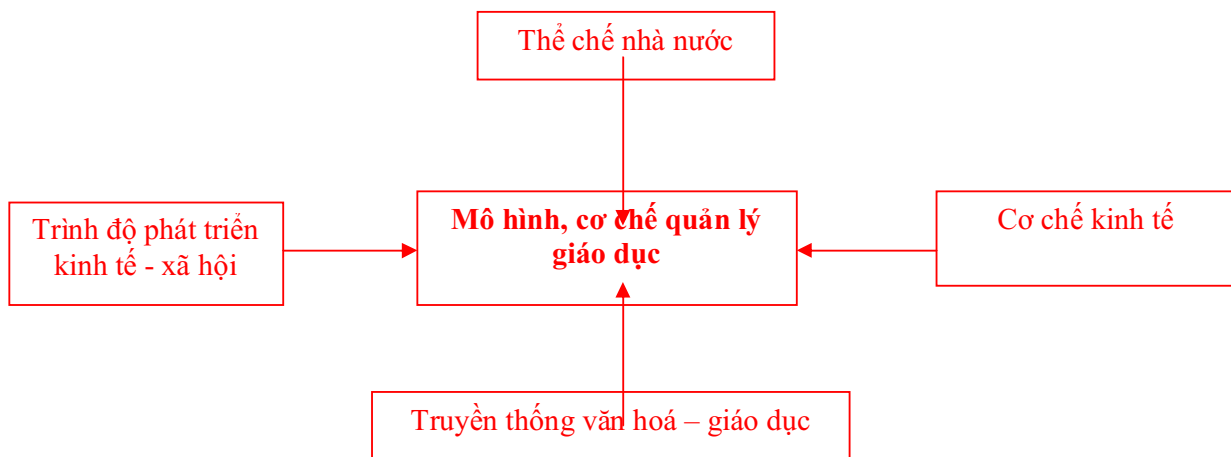
trương công bằng và bình đẳng trong giáo dục – đào tạo đã và đang tạo ra những điều kiện mới, động lực mới cho công cuộc phát triển giáo dục – đào tạo ở nước ta.

Các chính sách phát triển giáo dục – đào tạo ở nước ta thời gian qua đã được thể chế hoá bằng luật và các văn bản dưới luật của Nhà nước. Nhà nước cũng từng bước giao và tăng quyền tự chủ cho địa phương, cơ sở và các nhà trường, tạo điều kiện tốt để các cơ sở có thể tự chủ động phát huy sáng tạo mọi nguồn lực để phát triển.

**3.2. Hạn chế, yếu kém:** Đến nay, giáo dục và đào tạo nước ta vẫn chưa thực sự là quốc sách hàng đầu, động lực quan trọng nhất cho phát triển. Nhiều hạn chế, yếu kém đã được đưa ra từ nhiều năm nhưng vẫn chưa được khắc phục cơ bản, có mặt nặng nề hơn, thể hiện ở hai nhóm vấn đề:

(1). *Về nội dung, chương trình, chất lượng:* Nội dung còn nặng về lý thuyết, có mặt xa rời thực tế, chạy theo thành tích, chưa chú trọng giáo dục đạo đức, ý thức và trách nhiệm công dân. Chương trình giáo dục phổ thông còn quá tải đối với học sinh. Giáo dục Đại học và giáo dục nghề chưa đáp ứng nhu cầu xã hội, chưa gắn với yêu cầu sử dụng nhân lực, chưa chú trọng giáo dục kỹ năng thực hành nghề nghiệp. [Năm 1997, Hội đồng Giáo dục thuộc UNESCO có Báo cáo nói về “Giáo dục thế kỷ XXI”, nhấn mạnh triết lý giáo dục lấy “học thường xuyên, suốt đời làm nền móng”, xây dựng 4 trụ cột của giáo dục = “học để **biết** (Learning to know), học để **làm việc** (Learning to do), học để **tự khẳng định** (làm người – Learning to be), học để **cùng chung sống** với nhau (Learning to live together)”. Trong đó nhấn mạnh: **Học để biết** là = học cách học chứ

**Sơ đồ 2: Các nhân tố ảnh hưởng đến mô hình quản lý giáo dục**



Nguồn: Quản lý giáo dục – NXB ĐH Sư phạm

*không phải học kiến thức. Ta = học lấy điểm, lấy bằng, lấy chức... học thêm, chạy..]* Phương pháp dạy và học chậm đổi mới, chưa thực sự phát huy được tính chủ động, sáng tạo của học sinh, sinh viên. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả còn lạc hậu, phương tiện giảng dạy còn thiếu thốn.

Chất lượng giáo dục đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng qui mô và nâng cao chất lượng đào tạo, giữa dạy chữ, dạy người và dạy nghề.

(2). *Về công tác quản lý:* Quản lý giáo dục còn nhiều bất cập, thiếu dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Quản lý chất lượng giáo dục – đào tạo còn nhiều lúng túng. Những hiện tượng tiêu cực trong tuyển sinh, thi và cấp bằng, lạm thu, dạy thêm chậm được khắc phục, gây bức xúc xã hội. Công tác qui hoạch phát triển trường đại học, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa được quan tâm. Theo Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến ngày 31/5/2012, cả nước có tổng số 419 trường đại học, cao đẳng, trong đó 204 trường đại học (149 trường công lập, 55 trường ngoài công lập), 215 trường cao đẳng (187 trường công lập, 28 trường ngoài công lập). Trong khi năm 2011, cả nước mới có 191 trường đại học và cao đẳng. Qui mô tăng nhanh, song chất lượng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất còn nhiều bất cập.

Chất lượng đào tạo của các trường sư phạm còn hạn chế, đào tạo giáo viên chưa gắn với nhu cầu của địa phương. Đầu tư cho giáo dục còn mang tính bình quân; cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ sở giáo dục còn thiếu và lạc hậu. [Trong 22 năm (1987–2009), số sinh viên tăng 13 lần (từ 130.000 lên 1,7 triệu), trong khi số giảng viên chỉ tăng ba lần. Đến năm 2020, qui mô sinh viên là 350 - 400/10.000 dân. Ngân sách chi cho giáo dục năm 2012 là 170.000 tỷ đồng cho 22 triệu học sinh, sinh viên – tương đương 1 USD/HS,SV/ngày – ở các nước phát triển gấp 10-13 lần]. Quỹ đất dành cho phát triển giáo dục còn thiếu. Chế độ chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý còn chưa thoả đáng.

#### **4. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục**

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng về qui mô, chất lượng giáo dục các cấp, công tác quản lý, đội ngũ nhà giáo, hợp tác quốc tế,... Tuy nhiên cũng còn có những hạn chế, thiếu sót và yếu kém nêu trên, Quản lý Nhà nước về giáo dục góp phần không nhỏ vào

thành công hay hạn chế của sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (Khoá XI) đã tiến hành Hội nghị lần thứ Sáu đã thống nhất thông qua Kết luận về đề án “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là một yêu cầu khách quan và cấp bách của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Tập trung vào 7 nội dung trong toàn hệ thống:

- Đổi mới tư duy;
- Đổi mới mục tiêu đào tạo;
- Hệ thống tổ chức, loại hình giáo dục và đào tạo;
- Nội dung, phương pháp dạy và học;
- Cơ chế quản lý;
- Xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý;
- Cơ sở vật chất, nguồn lực, điều kiện đảm bảo,...

Quá trình hình thành và xây dựng mô hình quản lý nhà nước về giáo dục theo cơ chế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi cần tập trung giải quyết để xác lập một mô hình quản lý nhà nước về giáo dục phù hợp với thực tiễn.

**Thứ nhất**, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể quan điểm giáo dục – đào tạo là quốc sách hàng đầu, phải đi trước và được đầu tư trước. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ Qui định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục. Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011– 2020 và Qui hoạch phát triển nhân lực của các tỉnh, thành và bộ, ngành, làm cho nhân lực trở thành lợi thế cạnh tranh, thu hút đầu tư trong nước và ngoài nước, nhất là từ các nước có nền khoa học công nghệ và giáo dục hiện đại.

**Thứ hai**, qui định chức năng và nhiệm vụ của Bộ giáo dục và đào tạo là cơ quan và đầu mối duy nhất có hiệu lực thuộc Chính phủ về quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. Coi đây là điều kiện cơ bản và then chốt để có thể thực hiện đúng được 10 nội dung quản lý nhà nước về giáo dục trong Luật giáo dục 2005, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục năm 2009.

**Thứ ba**, nâng cao hơn nữa mối quan hệ trách nhiệm gắn bó mật thiết, chặt chẽ, hữu cơ giữa Bộ giáo dục và Đào tạo với các Bộ, Ban, Ngành Trung

ương, trước hết là Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Thứ tư**, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý, thực hiện triệt để, có hiệu quả và thiết thực việc phân cấp quản lý từ Trung ương đến địa phương và cho tới từng trường học, cơ sở đào tạo. Đảm bảo cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm, thực sự mở rộng dân chủ cho các cơ sở giáo dục.

**Thứ năm**, hoàn thiện và sớm ban hành các văn bản pháp qui dưới Luật Giáo dục. Tăng cường và mở rộng hệ thống thông tin và công tác dự báo giáo dục – đào tạo trong toàn ngành, trong từng khu vực, địa phương và quốc tế. Cần có các cơ quan, tổ chức trung gian khách quan làm việc độc lập, khách quan với các cơ quan quản lý Nhà nước về Giáo dục để có các ý kiến phản biện, kịp thời chấn chỉnh cũng như góp ý cho các dự thảo hoặc luật Giáo dục. Hiện đại hoá công tác tổ chức và quản lý giáo dục trên cơ sở ứng dụng những thành tựu công nghệ - thông tin.

**Thứ sáu**, xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục trong toàn ngành làm cơ sở cho việc đánh giá và thường xuyên thực hiện thanh tra giáo dục, chấn chỉnh lại việc đào tạo tại chức, đào tạo liên kết với nước ngoài đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Hoàn thiện qui hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề trong cả nước. Chỉ đạo chặt chẽ việc cho phép các trường thành lập các trường đại học, cao đẳng mới, kiên quyết xử lý các trường vi phạm, không tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật.

**Thứ bảy**, đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có bản lĩnh, công minh, có chuyên môn, nghiệp vụ cao, có kiến thức, kỹ năng và nghệ thuật quản lý giáo dục. Giải quyết nhanh chóng về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý từ phổ thông đến đại học về cả quy mô, chất lượng, cơ cấu và chế độ bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng, đặc biệt là chế độ tiền lương, điều kiện làm việc,... Sắp xếp, bố trí sử dụng cán bộ, công chức trong toàn ngành theo nguyên tắc đúng người, đúng việc, thực hiện tích cực việc luân chuyển giáo viên để giải

quyết chính sách đối với giáo viên ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xoá mù chữ cho người lớn; tăng cường dạy và học ngoại ngữ, tin học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

## 5. Kết luận:

Giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước, của toàn dân và là quốc sách hàng đầu, nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo phải được đi trước một bước. Mục tiêu cốt lõi của giáo dục và đào tạo là hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực con người Việt Nam. Mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tới năm 2020, định hướng tới năm 2030 là tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng và hiệu quả giáo dục; khắc phục dứt điểm các yếu kém kéo dài. Giáo dục và đào tạo con người Việt Nam yêu đất nước, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đủ phẩm chất năng lực đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Do đó, phải đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc nhận thức và tư duy về giáo dục – đào tạo; về công tác quản lý giáo dục; đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục; về nội dung, phương pháp giáo dục; hình thức và phương pháp đánh giá giáo dục. Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân thành hệ thống giáo dục mở và xây dựng xã hội học tập. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và công tác truyền thông phục vụ đổi mới giáo dục. Mở rộng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế về giáo dục. Cần ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn để nâng chất lượng giáo dục – đào tạo, đồng thời lấy lại lòng tin của xã hội với người học...□

## Tài liệu tham khảo:

1. Alma Haris – Nigel Bennett, 2004. *Phương pháp lãnh đạo và quản lý nhà trường hiệu quả*. NXB Chính trị Quốc gia.
2. *Báo cáo Chính trị của BCH Trung ương Đảng khoá X tại Đại hội XI*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012. *Báo cáo đánh giá công tác giáo dục và đào tạo năm 2012*.
4. Bùi Minh Hiền (chủ biên) – Vũ Ngọc Hải – Đặng Quốc Bảo. *Quản lý giáo dục*. NXB Đại học sư phạm, 2011.
5. *Các Nghị quyết và kết luận Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ Sáu, Khoá XI*. (15/10/2012).